

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày 29/6/2023

Về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sùng A Cở; 2. Ông Đỗ Trọng Bằng

Thư ký phiên tòa: Ông Má A Trư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lã Chúc Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Giàng A D; Sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Giàng A L; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Đều có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Giàng A L; Sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1. Ông Giàng A H; Sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. 2 Bà Châu Thị K; Sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L; 3. Bà Châu Thị S; Sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Đều có mặt tại phiên tòa;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nông Thị Thúy Hằng – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa;

- Người phiên dịch: Ông Lò A Tùng; Sinh năm 2003; Địa chỉ: Tổ 2, phường Hàm Rồng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa;

- Người làm chứng:

1. Bà Châu Thị M; Sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L; 2. Bà Châu Thị M; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L; 3. Ông Giàng A S - Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L; 4. Ông Giàng A T; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2022, các bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ông Giàng A D và bà Châu Thị K có một mảnh đất rộng 34.199 m² tại: Thôn Giàng Cha, xã Sa Pả, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (nay thuộc: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L). Đất đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AC 872181, ngày 14/7/2005 do UBND huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai cấp. Trên đất này ông D, bà Khu có trồng cây tre, cây trúc và cây đào. Ông D, bà Khu sử dụng ổn định lâu dài và không có tranh chấp gì với ai.

Đến năm 2021, ông Giàng A L và Giàng A H (Con trai ông L) cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L đến phát hết cây và trồng ngô vào mảnh đất nêu trên. Ông D, bà Khu đã đến nhắc nhở nhưng ông L và ông H không nghe.

Đến tháng 5/2022 ông L và ông H tiếp tục chặt những cây gỗ và cây tre của ông D và bà K đã trồng lâu năm trong mảnh đất nêu trên. Diện tích đất tranh chấp là 3432,9m² (Như kết quả xem xét thẩm định của Tòa án). Ông D, bà K đã làm đơn yêu cầu UBND xã T để hòa giải, UBND xã T đã tổ chức hòa giải vào ngày 10/8/2022 nhưng hòa giải của UBND xã không thành.

Hiện nay khu vực mảnh đất tranh chấp bị đơn và người liên quan là ông Giàng A H đang quản lý và có ý định mở rộng, lấn chiếm thêm vào mảnh đất của ông D, bà Khu.

Do đó, ông D, bà Khu đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giải quyết buộc bị đơn ông Giàng A L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải chặt phá, di dời 03 bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 4m; Đường kính mỗi cây là từ 8cm đến 10cm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Giàng A D và người liên quan bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Giàng A L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Châu Thị S và ông Giàng A H đều trình bày:

Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Giàng A L và bà Châu Thị S, được ông Giàng A M (Là bố đẻ của ông D và ông L) cho tặng riêng cá nhân ông L từ năm 1986, thời điểm đó ông M cho ông L bằng miệng và không lập văn bản giấy tờ gì và không có người làm chứng. Ông M mất từ lâu, ông L không nhớ mất là từ năm nào.

Sau khi ông L và bà Say về sống với nhau năm 1987, ông L và bà S quản lý đối với phần diện tích đất ông M cho ông L nhưng không trồng cây gì trên đất mà chỉ chặt cây rừng làm củ đun. Sau khi nhà nước làm đường liên thôn, dẫn đến đất đai có nguy cơ sạt lở nên gia đình ông L và bà Say và gia đình ông D có trồng một số bụi tre trên diện tích đất đang tranh chấp để tránh sạt lở đất. Việc gia đình ông D được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm nào, do ai cấp và diện tích được cấp là bao nhiêu thì gia đình ông L và bà Say không được biết. Đến thời điểm Tòa án mở phiên họp thông báo tiếp cận công khai chứng cứ thì ông L mới biết phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D. Tại Phần diện tích đất tranh chấp thì gia đình ông L và bà Say chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L và bà Say chưa yêu cầu cơ quan nào cấp. Ông L và bà S khẳng định phần diện tích đất tranh chấp là đất do ông M cho riêng ông L và ông L và bà Say sử dụng lấy củ từ năm 1987 đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D. ông L và bà Say không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Ông L, bà Say và ông H không đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho nguyên đơn, mà đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp cho ông L, bà S và ông H được toàn quyền quản lý và sử dụng.

Đối với kết quả xem xét thẩm định ngày 14/02/2023 cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định của Tòa án về diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên diện tích đất tranh chấp và đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định đó để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp của hộ gia đình ông Giàng A D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 872181 ngày 14/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa cấp cho hộ ông Giàng A D diện tích 31.499m² đất Lâm nghiệp. Tiến hành ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 29/2023/QĐ-TA

ngày 01/4/2023. Và tại Công văn trả lời số 1764/UBND-VPĐK ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa xác định: Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Giàng A D và ông Giàng A L theo sơ đồ thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 14/2/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa nằm trong ranh giới thửa đất số 50, tờ bản đồ số 1, diện tích 31.499m², đất rừng tái sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 872181, do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 14/7/2005 mang tên Hộ ông Giàng A D và bà Châu Thị K được xác định là đất rừng sản xuất.

Tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng Bà Châu Thị Mê; Bà Châu Thị M; Ông Giàng A S; Ông Giàng A T là những người có đất giáp ranh với diện tích đất tranh chấp có ý kiến như sau: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Giàng A D và Giàng A L có nguồn gốc là đất của ông Giàng A D và bà Châu Thị K khai phá đất rừng từ khoảng năm 1993, đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông D. Những người làm chứng này đều có phần diện tích đất giáp ranh với gia đình ông D và bà Khu. Giữa gia đình những người làm chứng và gia đình ông D, bà Khu không có tranh chấp gì về ranh giới với nhau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và những có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự và thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 169 và 229 của Bộ luật dân sự; Điều 135 và 203 Luật đất đai 2013; Điều 164 và 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A D:

Buộc ông Giàng A L, bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải di dời 03 bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 4m; Đường kính mỗi cây là từ 8 cm đến 10 cm. Trả lại cho ông Giàng A D và bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điều a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 169 và 229 của Bộ luật dân sự; Điều 135 và 203 Luật đất đai 2013; Điều 164 và 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A D.

Buộc bị đơn ông Giàng A L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải di dời 03 bụi tre. Trả lại cho nguyên đơn ông Giàng A D và người liên quan bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Giàng A D khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông Giàng A L là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh đất đai:

Ông Giàng A D và bà Châu Thị K xác định diện tích đất tranh chấp với bị đơn ông Giàng A L và người liên quan bà Châu Thị S và ông Giàng A H là 3432,9m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 872181, ngày 14/7/2005 do UBND huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Giàng A D. Có diện tích là 34.199 m² đất rừng sản xuất tại: Thôn Giàng Cha, xã Sa Pả, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (nay thuộc: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L). Trên đất này ông D, bà Khu có trồng cây tre, cây trúc và cây đào. Ông D, bà Khu sử dụng ổn định từ năm 1993, đến năm 2021 ông: Giàng A L và Giàng A H đến phát hết cây và trồng ngô vào mảnh đất nêu trên. Ông D, bà Khu đã đến nhắc nhở nhưng ông L và ông Hải không nghe. Hiện nay khu vực mảnh đất tranh chấp bị đơn và người liên quan là ông Hải đang quản lý và có ý định mở rộng, lấn chiếm thêm vào

mảnh đất của ông D, bà Khu. Do đó, ông D, bà Khu đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giải quyết buộc bị đơn ông Giàng A L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải di dời 03 bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 4m; Đường kính mỗi cây là từ 8 cm đến 10 cm. Trả lại cho nguyên đơn ông Giàng A D và người liên quan bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L.

Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã tiến hành xem xét thẩm định ngày 14/2/2023 xác định diện tích đất tranh chấp là 3432,9m², có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp với nhà bà Châu Thị Mê; Phía Nam giáp đất ông Giàng A D; Phía Tây giáp đất ông Giàng A D; Phía Đông giáp với đường đi của thôn. Tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm có: Ông Giàng A D trồng 14 (Mười bốn) bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 04 m; Đường kính mỗi cây từ 8 cm đến 10 cm; Ông Giàng A L đã trồng 03 (Ba) bụi tre trên thửa đất tranh chấp. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 04 m; Đường kính mỗi cây từ 8 cm đến 10 cm. Các bụi tre giáp với phần đường đi liên thôn. Ngoài ra còn một số cây gỗ tạp tự mọc, cây rừng. Về tài sản trên đất cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án không tiến hành định giá tài sản. Nguyên đơn và bị đơn cam kết nếu tòa án tuyên đất tranh chấp của bị đơn thì nguyên đơn sẽ tự chặt phá và di chuyển 14 bụi tre ra khỏi diện tích đất tranh chấp. Nếu Tòa án tuyên đất tranh chấp là của nguyên đơn thì bị đơn tự nguyện chặt phá và di dời 03 bụi tre trên diện tích đất tranh chấp.

Tiến hành thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp của hộ gia đình ông Giàng A D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 872181 ngày 14/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa cấp cho hộ ông Giàng A D diện tích 31.499m² đất Lâm nghiệp. Tiến hành ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 29/2023/QĐ-TA ngày 01/4/2023. Và tại Công văn trả lời số 1764/UBND-VPĐK ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa xác định: Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Giàng A D và ông Giàng A L theo sơ đồ thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 14/2/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa nằm trong ranh giới thửa đất số 50, tờ bản đồ số 1, diện tích 31.499m², đất rừng tái sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 872181, do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 14/7/2005 mang tên Hộ ông Giàng A D và bà Châu Thị K được xác định là đất rừng sản xuất.

Tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng bà Châu Thị Mê; Bà Châu Thị M; Ông Giàng A S; Ông Giàng A T là những người có đất giáp ranh với diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn có ý kiến như sau: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Giàng A D và Giàng A L có nguồn gốc là đất của ông Giàng A D và bà Châu Thị K khai phá đất rừng từ khoảng năm 1993, đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông D. Những người làm chứng này đều có phần diện tích đất giáp ranh với gia đình ông D

và bà Khu. Giữa gia đình những người làm chứng và gia đình ông D, bà Khu không có tranh chấp gì về ranh giới với nhau.

Từ những phân tích trên về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp và các Giấy tờ chứng nhận về quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 3432,9m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 872181, ngày 14/7/2005 do UBND huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Giàng A D. Có diện tích là 34.199 m² đất rừng sản xuất tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Trên diện tích đất tranh chấp bị đơn ông Giàng A L và người liên quan bà Châu Thị Sáay và ông Giàng A H đã trồng 03 (Ba) bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 04 m; Đường kính mỗi cây từ 8 cm đến 10 cm. Toàn bộ cây trồng này nằm trong phần đất của nguyên đơn ông Giàng A L và người liên quan là bà Châu Thị K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Giàng A L, bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải di dời 03 bụi tre, mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 4m; Đường kính mỗi cây là từ 8 cm đến 10 cm. Trả lại cho ông Giàng A D và bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Giàng A L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Châu Thị S và ông Giàng A H xác định: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Giàng A L và bà Châu Thị S, được ông Giàng A M (Là bố đẻ của ông D và ông L) cho tặng riêng cá nhân ông L từ năm 1986 là không có căn cứ vì việc cho tặng này không lập văn bản, chỉ nói miệng và không có người làm chứng. Quá trình từ năm 1986 đến năm 2021 ông L và bà Say không trồng cây gì trên đất mà chỉ chặt cây rừng làm củi đun. Ông L và bà Say không đưa ra được căn cứ gì chứng minh diện tích đất tranh chấp là của ông bà. Ngoài ra diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 872181, ngày 14/7/2005 do UBND huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Giàng A D. Tất cả những người làm chứng là những người có đất rập ranh với diện tích đất tranh chấp cũng đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông Giàng A D và Giàng A L có nguồn gốc là đất của ông Giàng A D và bà Châu Thị K khai phá đất rừng từ khoảng năm 1993, đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông D. Do đó, ý kiến của bị đơn ông L và người liên quan bà Say, ông Hải là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Tuy nhiên, nguyên đơn đề nghị Tòa án để nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định nên toàn bộ chi phí xem xét thẩm định sẽ do nguyên đơn chi trả.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 169 và 229 của Bộ luật dân sự; Điều 135 và 203 Luật đất đai 2013; Điều 164 và 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A D:

Buộc ông Giàng A L, bà Châu Thị S và ông Giàng A H phải di dời 03 bụi tre. Mỗi bụi tre gồm 30 cây; Cây có chiều dài từ 3,5m đến 4m; Đường kính mỗi cây là từ 8 cm đến 10 cm. Trả lại cho nguyên đơn ông Giàng A D và bà Châu Thị K diện tích đất là 3432,9m² tại: Thôn C, xã T, thị xã S, tỉnh L. Đất nằm trong ranh giới thửa đất số 50, tờ bản đồ số 1, đất rừng tái sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 872181, do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 14/7/2005 mang tên Hộ ông Giàng A D và bà Châu Thị K.

(Sơ đồ trích đo của thửa đất là phần không thể tách rời của bản án)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Giàng A D phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ông D đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí: Buộc ông Giàng A L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Giàng A D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ông Giàng A D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0005074, ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND thị xã Sa Pa (2);
- THADS thị xã Sa Pa;
- NBVQVLIHP của nguyên đơn;
- Đương sự (05);
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Huân

Đỗ Trọng Bằng

Nguyễn Mạnh Thắng

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh;
- VKSND huyện BT;
- THADS huyện BT;
- UBND xã Trì Quang;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

